

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 - LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2025/HNGĐ-ST
Ngày 18-9-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tư và ông Phan Văn Tư.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chiên, là Thư ký viên của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Phan Xuân Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 142/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2025 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hà Thị A, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn 14, xã N, tỉnh Lâm Đồng – Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Ngô Công V, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn 14, xã N, tỉnh Lâm Đồng – Được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28-4-2025 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hà Thị A trình bày:

Chị và anh Ngô Công V đăng ký kết hôn ngày 03-5-2006 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã Q, tỉnh Đắk Lắk) trên cơ sở tự nguyện. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, anh V nhiều lần dọa nạt đánh đập chị, hiện nay anh chị đang sống ly thân. Nhận thấy vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên chị khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh V.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Ngô Hà N (sinh ngày 22-02-2007) và cháu Ngô Hà Minh T (sinh ngày 21-11-2011). Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu

cháu T đến tuổi thành niên; không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu N đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Ngô Công V trình bày:

Anh và chị Hà Thị A đăng ký kết hôn ngày 03-5-2006 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã Q, tỉnh Đắk Lắk) trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn anh chị chung sống bình thường, thỉnh thoảng có mâu thuẫn cãi nhau nhưng không đến mức phải ly hôn. Anh thừa nhận có nói chị A làm đơn ly hôn nhưng đó chỉ là lời nói lúc nóng giận, anh vẫn muốn vợ chồng đoàn tụ và không đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của chị A.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Ngô Hà N (sinh ngày 22-02-2007) và cháu Ngô Hà Minh T (sinh ngày 21-11-2011). Nếu Tòa án giải quyết ly hôn và chị A có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T đến tuổi thành niên, bản thân cháu T cũng muốn sống với mẹ thì anh không có ý kiến gì, cũng không giành nuôi con. Đối với cháu N đã thành niên nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng thủ tục tố tụng; các đương sự thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi nêu nội dung vụ án, phân tích, đánh giá tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 69, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị A:

- Về hôn nhân: Chị Hà Thị A được ly hôn với anh Ngô Công V.
- Về con chung: Giao cháu Ngô Hà Minh T cho chị Hà Thị A tiếp tục nuôi dưỡng.
- Về án phí: Chị Hà Thị A phải nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn và giải quyết về con chung nên quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có địa chỉ tại thôn 14, xã N, tỉnh Lâm Đồng nên Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng thụ lý, giải quyết vụ án

là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2025*).

[1.3]. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hà Thị A, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị A và anh V đăng ký kết hôn ngày 03-5-2006 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (*nay là xã Q, tỉnh Đắk Lắk*) trên cơ sở tự nguyện nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Quá trình chung sống anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, không tìm được tiếng nói chung, hiện nay anh chị đang sống ly thân. Chị A xác định mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc nhau nên không thể hòa giải đoàn tụ và cương quyết ly hôn; anh V trình bày vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng nên anh không đồng ý ly hôn, tuy nhiên khi Tòa án tiến lấy lời khai thì anh V tự ý bỏ về và không ký tên vào biên bản lấy lời khai. Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần để hòa giải đoàn tụ nhưng anh V đều vắng mặt, không có thiện chí hòa giải. Như vậy, theo hướng dẫn tại điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình thì có căn cứ xác định hôn nhân giữa chị A và anh V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị A về việc ly hôn với anh V.

[2.2]. Về con chung:

[2.2.1]. Chị A và anh V xác định anh chị có 02 con chung là cháu Ngô Hà N (*sinh ngày 22-02-2007*) và cháu Ngô Hà Minh T (*sinh ngày 21-11-2011*). Khi ly hôn chị A có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T đến tuổi thành niên. Đối với N đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi chị A và anh V ly thân thì cháu T sống cùng chị A. Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 03-6-2025, cháu T trình bày nguyện vọng của cháu là muốn được sống cùng mẹ. Anh V cho rằng bản thân cháu Y muốn sống cùng mẹ thì anh không có ý kiến gì, cũng không giành nuôi con. Mặt khác, cháu T là con gái và đang ở độ tuổi vị thành niên rất cần sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ của người mẹ. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển tốt nhất của cháu T, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống và giáo dục gây ảnh hưởng đến tâm lý của cháu, đồng thời cũng tôn trọng nguyện vọng của cháu T nên Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu T cho chị A trực tiếp trông nom,

chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên là phù hợp.

[2.2.2]. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị A không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị A và anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

[5]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2025*); áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị A:

1.1. Về hôn nhân: Chị Hà Thị A được ly hôn với anh Ngô Công V.

1.2. Về con chung:

1.2.1. Giao con chung là cháu Ngô Hà Minh T (*sinh ngày 21-11-2011*) cho chị Hà Thị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Hà Thị A không yêu cầu anh Ngô Công V phải cấp dưỡng nuôi con.

Việc thay đổi nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định tại các Điều 107, 110 và 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Hà Thị A phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số X ngày 20-5-2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (*nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực Y - Lâm Đồng*).

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt theo đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 7 - Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực Y - Lâm Đồng;
- UBND xã Q, tỉnh Đắk Lắk (*đăng ký số 20 ngày 03-5-2006 tại UBND xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk cũ*);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*Đã ký tên, đóng dấu*)

Nguyễn Thị Mỹ Trang